



viết lại cho đẹp, không được thay đổi nội dung

Phone Agent Api Docs

Tài liệu kỹ thuật: API hệ thống phone-agent01

Người tạo: AI GEM (dsatgem@gmail.com)

Ngày tạo: 25/08/2025

Cập nhật: 26/08/2025

Liên kết: [Xem trên ChatGPT](#)

1. Tổng quan

Mục đích

- `/chat` : Nhận câu hỏi → tìm sản phẩm liên quan (qua Pinecone) → trả về câu trả lời tư vấn.
- `/put-item` : Thêm/cập nhật (upsert) một sản phẩm vào Pinecone (tạo 2 vector).
- `/delete-item` : Xóa sản phẩm theo `item_id` (xóa 2 vector).

Cấu hình cơ bản

- Base URL (ví dụ dev/local): `http://localhost:8000`
- Content-Type: `application/json; charset=utf-8`
- Auth: Không yêu cầu (khuyến nghị triển khai qua Gateway có xác thực khi lên production).
- CORS: Thiết lập bằng biến môi trường `CORS_ALLOW_ORIGINS` (mặc định: `*`).

Lưu ý:

- “Trường `answer` trong `/chat` có thể trả về HTML → client nên render bằng `innerHTML`.”
- “Trong metadata Pinecone, trường chi tiết là `full_infomation` (theo hệ thống hiện tại). Trong response `/chat`, trường là `full_information` (đúng chính tả).”

2. Health Check

GET /health

Kiểm tra trạng thái dịch vụ.

Response 200:

```
{ "status": "ok" }
```

3. Chat API

POST /chat

Gửi câu hỏi → trích xuất ý định sản phẩm → query Pinecone → sinh câu trả lời.

Request:

```
{  
  "session_id": "string (bắt buộc)",  
  "question": "string (bắt buộc)"  
}
```

- `session_id` : ID phiên để lưu lịch sử hội thoại (dùng lại cho nhiều lượt trong cùng một phiên).
- `question` : Câu hỏi từ người dùng.

Response:

```
{
```

```
"answer": "string (có thể là HTML)",
"products": [
  {
    "name": "string",
    "description": "string",
    "full_information": "string"
  }
],
"session_id": "string"
}
```

Mã lỗi:

- 400 : Thiếu `session_id` hoặc `question` .
- 500 : Lỗi pipeline (Intent/Pinecone/Answer).

Ví dụ:

```
-X POST "http://localhost:8000/chat" \
-H "Content-Type: application/json" \
-d '{"session_id":"web-001","question":"Mình phân vân iPhone 14 Pro và S23 Ultra"
```

4. Put Item API

POST /put-item

Thêm/cập nhật **một** sản phẩm vào Pinecone. Server sẽ:

1. Dựng chuỗi `full_infomation` (markdown tiếng Việt) từ dữ liệu gửi lên.
2. Sinh 2 **embeddings** và upsert:
 - Namespace `name` : embedding từ `name` → vector id: `"{id}_n"`
 - Namespace `full_information` : embedding từ `full_infomation` → vector id: `"{id}_fi"`
3. Metadata lưu toàn bộ object gốc + `{ product_id: id, name, description, full_infomation }`.

Idempotent theo `id` : gửi lại cùng `id` sẽ cập nhật vectors/metadata.

Request (tất cả bắt buộc):

```
{
  "id": "string",
  "name": "string",
  "description": "string",

  "technical_specifications": "string",
  "camera": "string",
  "connectivity_and_network": "string",
  "design_and_dimensions": "string",
  "special_features": "string",
  "commercial_information": "string",
  "inventory_and_sales": "string",

  "product_name": "string",
  "manufacturer": "string",
  "product_line": "string",
  "manufacture_date": "string",
  "stock_in_date": "string",
  "imei_serial_number": "string",

  "display": "string",
  "cpu_chipset": "string",
  "ram": "string",
  "internal_storage": "string",
  "operating_system": "string",
  "battery": "string",

  "rear_camera": "string",
  "front_camera": "string",

  "sim_support": "string",
  "network": "string",
  "wifi_bluetooth_nfc": "string",
  "ports_connector": "string",

  "dimensions_and_weight": "string",
  "frame_and_back_materials": "string",
  "colors": "string",

  "security": "string",
  "water_dust_resistance_ip": "string",
  "charging_support": "string",

  "wholesale_price": 0,
  "retail_price": 0,
```

```

"condition": "string",
"manufacturer_warranty": "string",
"store_warranty": "string",

"sku": "string",
"units_received": 0,
"in_stock_units": 0,
"supplier": "string"
}

```

Quy ước:

- `wholesale_price` , `retail_price` : có thể là số hoặc chuỗi; nếu là số → tự động thêm hậu tố "VND".
- `units_received` , `in_stock_units` : là số → tự động format "X máy".
- Trường trống sẽ bị **bỏ qua** trong `full_information` .

Response:

```

{
  "ok": true,
  "result": {
    "ok": true,
    "index": "your-index-name",
    "ids": { "name": "ID_n", "full_information": "ID_fi" },
    "namespaces": ["name", "full_information"],
    "product_id": "ID"
  },
  "error": null
}

```

Ví dụ:

```

-X POST "http://localhost:8000/put-item" \
-H "Content-Type: application/json" \
-d '{
  "id": "IP12-128-01",
  "name": "iPhone 12",
  "description": "Mô tả ngắn...",
  "technical_specifications": "",
  "camera": "",
  "connectivity_and_network": "",
  "design_and_dimensions": "",
  "special_features": "",
  "commercial_information": "",

```

```
"inventory_and_sales": "",

"product_name": "iPhone 12",
"manufacturer": "Apple",
"product_line": "iPhone 12",
"manufacture_date": "2022-09-20",
"stock_in_date": "2023-12-10",
"imei_serial_number": "35506452560431",

"display": "OLED/LCD, 6.1 inch",
"cpu_chipset": "Apple A14 Bionic",
"ram": "4GB",
"internal_storage": "128GB",
"operating_system": "iOS 17",
"battery": "2815 mAh, sạc nhanh 20W",

"rear_camera": "2 camera 12MP, OIS, 4K/60fps",
"front_camera": "12MP, Face ID, 4K",

"sim_support": "1 Nano SIM + 1 eSIM",
"network": "2G/3G/4G/5G",
"wifi_bluetooth_nfc": "Wi-Fi 6, Bluetooth 5.0, NFC",
"ports_connector": "Lightning",

"dimensions_and_weight": "146.7 x 71.5 x 7.4 mm, 164g",
"frame_and_back_materials": "Khung nhôm, mặt lưng kính",
"colors": "Đen, Trắng, Xanh, Đỏ",

"security": "Face ID",
"water_dust_resistance_ip": "IP68",
"charging_support": "Sạc nhanh 20W, sạc không dây MagSafe",

"wholesale_price": 14560431,
"retail_price": 18560431,
"condition": "Mới",
"manufacturer_warranty": "12 tháng",
"store_warranty": "Đổi mới 30 ngày nếu lỗi NSX",

"sku": "IPHONE12-128GB",
"units_received": 61,
"in_stock_units": 21,
"supplier": "Apple Việt Nam (Hotline: 1800-1127)"
}
```

5. Delete Item API

POST /delete-item

Xóa một sản phẩm trong Pinecone theo `item_id`. Hệ thống sẽ xóa 2 **vector**:

- `"{item_id}_n"` trong namespace `name`
- `"{item_id}_fi"` trong namespace `full_information`

Request:

```
{ "item_id": "string (bắt buộc)" }
```

Response:

```
{  
  "ok": true,  
  "result": {  
    "ok": true,  
    "index": "your-index-name",  
    "deleted_ids": {  
      "name": "ITEMID_n",  
      "full_information": "ITEMID_fi"  
    },  
    "namespaces": ["name", "full_information"],  
    "errors": null  
  },  
  "error": null  
}
```

Ví dụ:

```
-X POST "http://localhost:8000/delete-item" \  
-H "Content-Type: application/json" \  
-d '{"item_id": "IP12-128-01"}'
```

6. Ghi chú tích hợp

- **Session:** Nên tạo `session_id` (ví dụ UUID) cho mỗi cuộc hội thoại và tái sử dụng trong suốt phiên.

- **Hiển thị câu trả lời:** `answer` có thể là HTML → render bằng `innerHTML` . Nếu chỉ cần text, client nên strip tag.
- **Timeout gợi ý:**
 - `/chat` : 30–60s (tùy mô hình & dữ liệu).
 - `/put-item` , `/delete-item` : 15–30s.
- **Bảo mật:** Nếu public, nên đặt sau API Gateway có xác thực (API key/JWT) + rate limit.
- **Mã hóa:** JSON UTF-8.

7. Tóm tắt Endpoints

Method	Path	Mô tả
GET	<code>/health</code>	Health check
POST	<code>/chat</code>	Gửi câu hỏi, nhận tư vấn + danh sách sản phẩm
POST	<code>/put-item</code>	Upsert 1 sản phẩm vào Pinecone (2 vectors)
POST	<code>/delete-item</code>	Xóa 1 sản phẩm trên Pinecone (2 vectors)

Có thể lấy bản **OpenAPI/Swagger JSON** để import trực tiếp vào Postman/Insomnia qua `GET /openapi.json` .

Mình đã viết lại tài liệu kỹ thuật thành phiên bản rõ ràng, gọn gàng và dễ đọc hơn, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung gốc. Bạn có muốn mình bổ sung thêm sơ đồ (ví dụ flow API) để người đọc dễ hình dung hơn không?